

Đơn vị: SỞ CÔNG THƯƠNG
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2026
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2026 như sau:

A PHÂN SỐ LIỆU

DV tính: Triệu đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với cùng kỳ 2025 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phi, lệ phí	800,00	284,250	35,53	90,3
I	Số thu phí, lệ phí	200,00	124,450	62,23	29,770
1	Thu lệ phí				
2	Thu phí	200,00	124,450	62,23	29,77
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	40,0	5,300	13,25	16,21
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	65,400	0,45	72,67
2.3	Phí, lệ phí TD cấp Giấy phép HĐ điện lực	3,0		-	-
2.4	Phí TD cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	6,0		-	
2.5	Phí TD cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	48,0	27,25	0,99	39,78
2.6	Phí cấp giấy CN đủ điều kiện SX, KD hóa chất	3,0			
2.7	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O	0,0	26,5	100,00	100,00

3	Số thu sự nghiệp	600	159,8	26,6	
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	400		0,00	-
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	200	159,8	79,90	79,90
II	Chi từ nguồn thu được để lại	-	0		-
1	Chi sự nghiệp kinh tế				-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính	0	0	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số nộp ngân sách nhà nước	200,00	124,450	62,23	3,14
1	Lệ phí				
2	Thu phí	200,00	124,450	62,23	3,14
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	40,0	5,300	13,25	32,42
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	65,400	65,40	7,27
2.3	Phí, lệ phí TĐ cấp Giấy phép HĐ điện lực	3,0		-	
2.4	Phí TĐ cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	6,0		-	
2.5	Phí TĐ cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	48,0	27,250	56,77	1,99
2.6	Phí cấp giấy CN đủ điều kiện SX, KD hóa chất	3,0			
2.7	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O	0,0	26,500	100,00	100,00
3	Sự nghiệp			-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	33.871,0	11.486,38	33,91	167,14
1	Chi quản lý hành chính	25.182,0	8.425,15	33,46	375,37
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	20.186	8.178,26	40,51	179,45
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.996,0	246,89	4,94	6,92
2	Chi sự nghiệp GD, đào tạo và dạy nghề	45	-	-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45		-	
3	Chi hoạt động kinh tế	8.644	3061,227	35,41	135,12
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.196	1.078,56	49,11	97,47
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.448	1.982,67	30,75	171,06

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Phần thu

1.1 Thu phí, lệ phí

Tổng số thu 124.521.732 đồng, đạt 63,23% kế hoạch được giao trong năm, đạt 2,32% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 124,521,732 đồng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

1.2 Phần thu sự nghiệp

Tổng thu sự nghiệp từ hoạt động đào tạo tập huấn : 159.000.000 đồng, đạt 26,6 % so với kế hoạch được giao.

2 Phần chi ngân sách

Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 8.178,26 triệu đồng, đạt 40,51% Kế hoạch được giao, đạt 179,45 % so với cùng kỳ năm trước

Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 246,89 triệu đồng, đạt 4,94% so với Kế hoạch được giao, đạt 692,15 % so với cùng kỳ năm trước

Chi hoạt động kinh tế nhiệm vụ thường xuyên: 1.078,56 triệu đồng, đạt 49,11 % so với Kế hoạch được giao, đạt 97,47 % so với cùng kỳ năm trước

Chi hoạt động kinh tế nhiệm vụ không thường xuyên: 1.982,6 triệu đồng, đạt 30,75% so với Kế hoạch được giao, đạt 171,06% so với cùng kỳ năm trước

2.1 Nhiệm vụ chi Văn phòng Sở Công Thương

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 3.783.262.862 đồng, đạt 40,14% Kế hoạch được giao, đạt 1,38% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 3.034.726.000 đồng

Chi phúc lợi tập thể: 347.058.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm, chi thuê mướn: 141.877.462 đ

Chi công tác phí, Hội nghị: 52.291.000 đồng

Chi sửa chữa nhà, công nghệ thông tin: 20.691.000 đồng

Chi các khoản khác: 186.619.400 đồng

2.2 Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 581.984.000 đồng, đạt 7,48% so với Kế hoạch được giao, vượt 0,53% so với cùng kỳ năm trước

2.3 Chi sự nghiệp 344.125.523 đồng, đạt 9,57% kế hoạch được giao, đạt 0,48% so với cùng kỳ cụ thể:

Chi sự nghiệp công nghiệp: 295.139.523 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 48.986.000 đồng

2.4 Chi đào tạo: chưa phát sinh

2.2 Nhiệm vụ chi sự nghiệp Trung tâm

2.1 Phần thu sự nghiệp :

Tổng thu sự nghiệp quý II năm 2026: 159.000.000 đồng đạt 27% so với kế hoạch được giao

2.2 Phần chi ngân sách:

Chi thực hiện ngân sách: 1.078.557.596 đồng, đạt 50 % kế hoạch giao, đạt 110 % so với cùng kỳ năm trước.

Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 900.837.500 đồng

Chi phúc lợi tập thể và các khoản chi cá nhân: 39.520.000 đồng

Chi Văn phòng phẩm, thông tin tuyên truyền: 7.266.400 đồng

Chi dịch vụ công cộng khác: 24.638.696 đồng

Chi công tác phí, thuê mướn: 22.200.000 đồng

Chi các khoản khác: 84.095.000 đồng

Phần chi nhiệm vụ không thường xuyên: 1.638.545.400 đồng, đạt 42% so với kế hoạch giao đầu năm 48% so với cùng kỳ, cụ thể:

Chi sự nghiệp thương mại: 1.503.998.200 đồng

Chi sự nghiệp công nghiệp: 134.547.200 đồng

2.3 Nhiệm vụ chi Quản lý nhà nước QLTT

Chi kinh phí thực hiện nguồn tự chủ: 4.394.981.491 đồng; đạt 41,12% kế hoạch giao; đạt

2.3.1 77,39% so với cùng kỳ năm trước; cụ thể

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và đóng góp theo lương của công chức: 3.312.161.751 đồng

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và đóng góp theo lương của HĐ 111: 190.269.000 đồng

Chi phúc lợi tập thể: 347.426.224 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thuê mướn: 131.334.968 đồng

Chi các khoản khác: 413.789.548 đồng

2.3.2 Chi kinh phí thực hiện không tự chủ: 164.950.951 đồng; đạt 17,8% kế hoạch giao cụ thể

Chi kinh phí xử phạt vi phạm hành chính và hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại: 164.950.951 đồng

Ngày 03 tháng 7 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Lê Trung Phước